

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **47/2017/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/12/2017

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Phước

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Giáp Hà Tĩnh.

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Mạnh Trí - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Nguyễn Ngọc Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 256/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con ”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn L, sinh năm 1993; Trú tại: thôn 1, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Phụng H, sinh năm 1995; Trú tại: Thôn 3, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận; Vắng mặt (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

NHẬN THẤY:

****/ Nguyên đơn - anh Nguyễn L trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị Nguyễn Thị Phụng H tự nguyện tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Thời gian đầu, anh L và chị H chung sống với nhau hạnh phúc, vợ chồng đã có với nhau một người con chung. Đến khoảng cuối năm 2013 thì giữa anh và chị H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng suy nghĩ, quan điểm trong cuộc sống nên thường xảy ra gây gổ, cãi vã nhau. Khoảng tháng 11/2013 chị H tự ý bế con bỏ nhà đi mà không cho anh L biết. Sau thời gian chị H bỏ đi thì anh L đã đi tìm và gặp được chị H tại Gò Vấp - Thành phố Hồ Chí Minh, anh L đã động viên, khuyên nhủ chị quay về lại gia đình nhưng chị H không đồng ý. Kể năm 2014 thì anh L và chị H không còn gặp nhau nữa, vợ chồng chính thức ly thân nhau kể từ thời gian này. Nay anh L nhận thấy cuộc sống hôn nhân với chị H không có

hạnh phúc, tình cảm yêu thương đối với chị H không còn nên đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh L và chị H có với nhau một người con chung tên là Nguyễn Chí K, sinh năm 2013. Hiện tại, cháu K đang do chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Vì cháu K đang sống với chị H ổn định nên anh L không tranh chấp về quyền nuôi con với chị H mà anh đồng ý giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: anh L tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị H không tạo lập được tài sản chung và cũng không có nợ chung.

**/ Bị đơn - chị Nguyễn Thị Phụng H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản ghi lời khai ngày 01/11/2017 chị Hằng trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị H thừa nhận, giữa chị và anh Nguyễn L tự nguyện sống chung với nhau, sau đó đến năm 2013 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã G. Tuy nhiên kể từ thời điểm đăng ký kết hôn thì chị và anh L chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh L rượu chè, bài bạc và thường xuyên gây gỗ, đánh đập chị. Trong năm 2014 chị đã tự ý bế con bỏ vào Bình Dương sinh sống cho đến nay, kể từ thời gian này vợ chồng chính thức ly thân nhau. Nay anh L gửi đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với chị H thì chị cũng đồng ý ly hôn với anh L chứ không có ý kiến gì.

Về con chung: Chị H thừa nhận trong thời gian chung sống, chị và anh L có với nhau một người con chung như anh L đã khai. Con chung đặt tên là Nguyễn Chí K năm 2014 và hiện đang do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Chí K cho đến khi thành niên và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh L không có tài sản chung và nợ chung.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về quan điểm giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

-Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS.

-Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

-Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; Các Điều 147 và 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án để giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Nguyễn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phụng H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Phụng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 (một) người con chung là Nguyễn Chí K, sinh ngày 10/01/2013 cho đến khi thành niên. Anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Phụng H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nguyễn Chí K tròn 18 tuổi và được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị H không được ngăn cản.

Về án phí: Anh Nguyễn L phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghe đương sự trình bày, nghe tranh luận; nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án, sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Phụng H là bị đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên trong quá trình tố tụng, chị H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt (đơn ghi ngày 01/11/2017) vì lý do chị H đi làm ăn xa, không có thời gian tham gia tố tụng vụ án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn L và chị Nguyễn Thị Phụng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 thì làm thủ tục đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã G. Sau khi đăng ký kết hôn, anh L và chị H chung sống với nhau hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh L và chị H đều thừa nhận nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên đất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau mà không có sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau. Kể từ năm 2014, chị H và anh L chính thức ly thân nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh L và chị H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2012, đến năm 2013 thì mới làm thủ tục đăng ký kết hôn. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân giữa L và chị H nhìn chung không có hạnh Phúc. Sau khi kết hôn chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chị H bế con bỏ nhà đi làm ăn xa. Kể từ thời điểm chị H bỏ đi cho đến nay, anh chị đã chính thức ly thân với nhau. Hiện tại anh L đang sống với gia đình cha mẹ ruột tại xã G, còn chị H sinh sống và làm việc tại Bình Dương, vợ chồng không có sự quan tâm chia sẻ lẫn nhau, người nào chỉ biết bổn phận người đó. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh L và chị H để tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa hai bên nhưng chị H từ chối tham gia và có đơn đề nghị tiến hành phiên hòa giải và xét xử vắng mặt chị H, theo đó chị trình bày chị đồng ý ly hôn với anh L. Điều này thể hiện tình trạng hôn nhân giữa anh L và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần chấp nhận cho anh L được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh L và chị H đều thừa nhận trong quá trình chung sống, anh chị có với nhau 01 người con chung tên là Nguyễn Chí K sinh năm 2013, hiện tại cháu K đang do chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Trong quá trình tố tụng, anh L và chị H không tranh chấp với nhau về quyền nuôi con. Anh L trình bày, khi ly hôn anh L đồng ý giao con cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên và đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.000.000đ. Đối với chị H mặt dù vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng trong quá trình tố tụng chị H trình bày khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi

đưỡng con chung Nguyễn Chí K cho đến khi thành niên và yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.500.000đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi anh L và chị H ly thân cho đến nay thì chị H là người trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cháu K, do đó để tránh xáo trộn về tâm lý do thay đổi môi trường sống và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị H và L thì cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Chí K cho chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi thành niên là phù hợp. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị H xét thấy rằng anh L không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật. Tuy nhiên hiện nay anh L có công việc không ổn định, đang làm thuê cho gia đình cha mẹ ruột của anh L tại thôn 1 xã G, cho nên cần chấp nhận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ như anh L đề nghị là phù hợp. Theo đó, cần buộc anh L phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị H mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu K tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và 110 Luật HNGĐ năm 2014.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh L và chị H đều trình bày trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung và nợ chung, cho nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc L phải chịu án LH/ST theo quy định và án phí DS/ST đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35; Các Điều 147 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Nguyễn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Phụng H.
- *Về con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Phụng H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 (một) người con chung là Nguyễn Chí K, sinh ngày 10/01/2013 cho đến khi thành niên.
- *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Xử buộc anh Nguyễn L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Nguyễn Thị Phụng H mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi cháu Nguyễn Chí K tròn 18 tuổi. Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc con, chị H không được ngăn cản.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng

người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp có tranh chấp về lãi suất thì người phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất bằng 10%/năm tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

** Về án phí:*

- Anh Nguyễn L phải nộp 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai số N 0012158, ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh. Anh L đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

- Anh Nguyễn L phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 22/12/2017; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã G;
- CC.Thi hành án;
- Lưu HS, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Như Phước